Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT: HOSE)

KÉM KHẢ QUAN - Giá mục tiêu 1 năm: 60.000 Đồng/cp

Giá cổ phiếu (Ngày 30/11/2022): 71.000 Đồng/cp

Nguyễn Trần Phương Nga
ngantp@ssi.com.vn
+84 – 28 3636 3688 ext. 3050

Ngày 1/12/2022

NGÀNH BÁN LẺ

Các chỉ số chính

Giá trị vốn hoá (triệu USD):	321
Giá trị vốn hoá (tỷ VND):	7.938
Số cổ phiếu lưu hành (triệu)	118
Giá Cao/thấp nhất trong 52 tuần ('000 VND)	116,7/38,5
KLGD trung bình 3 tháng (cp)	1.845.123
KLGD trung bình 3 tháng (triệu USD)	5,53
KLGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng)	137,05
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)	24,47
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%)	0

Biến động giá cổ phiếu

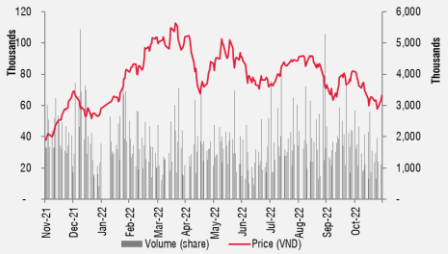

Nguồn: Bloomberg

Thông tin cơ bản về công ty

FPT Retail (FPTshop.com) là một trong những công ty con của CTCP FPT (FPT: HSX). Công ty là một trong hai nhà bán lẻ CNTT-TT lớn nhất Việt Nam, được thành lập 5 năm kể từ năm 2012, gia nhập thị trường sau Nguyễn Kim (1996) và Thegioididong (2004). FPT sở hữu 85% cổ phần trước khi bán 30% cho Dragon Capital và Vina Capital vào tháng 8 năm 2017. Ban lãnh đạo cũng đã bán 5% cho Dragon Capital cùng thời điểm. Vốn điều lệ hiện tại là 680 tỷ đồng.

Lợi nhuận giảm từ quý 4/2022

Lợi nhuận ròng của FRT tăng 81% trong quý 3/2022 từ mức cơ sở so sánh thấp của cùng kỳ năm ngoái, thời điểm công ty phải tạm thời đóng cửa các cửa hàng do giãn cách xã hội. Tuy nhiên, do các yếu tố như (i) nhu cầu suy yếu cùng với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô giảm sút, (ii) iPhone 14 về chậm, (iii) mức nền so sánh cao của quý 4 năm 2021 khi công ty được hưởng lợi từ doanh số bán máy tính xách tay tăng vọt và nhu cầu bị dồn nén, và (iv) thu nhập tài chính thuần giảm do lãi suất tăng và tỷ lệ nợ vay cao, chúng tôi ước tính lợi nhuận ròng trong quý 4 năm 2022 của FRT sẽ giảm 72% so với cùng kỳ. Do đó, LNST năm 2022 và 2023 dự báo lần lượt đạt 396 tỷ đồng (giảm 11% so với cùng kỳ) và 429 tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ). Mặc dù nhu cầu đối với các sản phẩm ICT trong năm tới sẽ ảm đạm, LNST năm 2023 vẫn có thể tăng 8% so với cùng kỳ nhờ (1) lợi nhuận cao hơn từ chuỗi nhà thuốc Long Châu (LNST dự báo lần lượt đạt 62 tỷ đồng và 96 tỷ đồng trong năm 2022 và 2023) và (2) việc chậm ghi nhận doanh thu từ iPhone 14 trong năm 2022 sẽ được chuyển sang ghi nhận trong năm 2023. Với chỉ số tài chính và hệ số mục tiêu thấp hơn cho năm 2023, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu mới cho FRT là 60.000 đồng (thấp hơn 10% so với giá cổ phiếu hiện tại). Chúng tôi điều chỉnh giảm khuyến nghị đối với cổ phiếu FRT xuống KÉM KHẢ QUAN.

Quan điểm ngắn hạn: Lợi nhuận ròng trong quý 4 năm 2022 giảm mạnh, tâm lý thị trường yếu và những bất ổn về việc tăng lãi suất sẽ đè nặng lên giá cổ phiếu.

Mảng ICT	
EPS	2.759
PE mục tiêu	7x (từ 12x)
Tỷ lệ sở hữu của FRT	100%
Định giá	19.310
Mảng dược phẩm	
Doanh thu trên mỗi cổ phiếu	112.407
P/S mục tiêu	0,4x (điều chỉnh giảm từ 0,5x)
Tỷ lệ sở hữu của FRT	90%
Định giá	40.467
Giá mục tiêu	**59.777**

Nguồn: SSI Research

	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	16.634	14.661	22.495	28.364	32.990
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	204	10	444	396	429
Tăng trưởng lợi nhuận ròng (%)	-41,4%	-95,0%	4244,8%	-10,7%	8,3%
EPS (VND)	1.736	177	3.745	3.277	3.551
ROE (%)	16,7%	0,8%	30,6%	21,8%	20,4%
Nợ/VCSH	2,89	2,03	3,60	3,20	2,81
Tỷ suất cổ tức (%)	5%	0%	0%	2%	2%
P/E (x)	12,1	387,9	17,8	20,3	18,7
P/B (x)	1,3	2,1	4,8	4,1	3,5
EV/EBITDA (x)	9,7	24,6	16,0	15,6	14,7

Nguồn: FRT, SSI Research

KQKD quý 3/2022

(tỷ đồng)	Quý 3/2022	Quý 3/2021	So với cùng kỳ	Quý 2/2022	So với quý trước	Hoàn thành kế hoạch năm	TSLN			
							Quý 3/2022	Quý 3/2021	Quý 2/2022	2021
Doanh thu thuần	7.709,1	4.993,3	54,4%	6.213,2	24,1%	80,4%				
Lợi nhuận gộp	1.196,6	694,7	72,3%	943,2	26,9%		15,5%	13,9%	15,2%	14,0%
Lợi nhuận từ HĐKD	124,2	54,7	127,2%	65,5	89,8%		1,6%	1,1%	1,1%	2,3%
EBIT	166,3	97,7	70,1%	108,1	53,9%		2,2%	2,0%	1,7%	3,1%
EBITDA	168,1	100,3	67,7%	109,7	53,2%		2,2%	2,0%	1,8%	3,1%
LNTT	105,8	60,9	73,7%	59,1	79,1%	51,2%	1,4%	1,2%	1,0%	2,5%
Lợi nhuận ròng	85,3	47,2	80,5%	46,8	82,3%		1,1%	0,9%	0,8%	2,0%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	84,5	47,4	78,2%	46,7	81,1%		1,1%	1,0%	0,8%	2,0%

Nguồn: FRT, SSI Research

Trong quý 3 năm 2022, KQKD của FRT được cải thiện đáng kể từ mức thấp của cùng kỳ năm ngoái, thời điểm công ty phải đóng cửa hàng tại các tỉnh thành miền Nam Việt Nam để tuân thủ biện pháp giãn cách xã hội. Doanh thu thuần và lợi nhuận ròng lần lượt đạt 7,7 nghìn tỷ đồng (tăng 54% so với cùng kỳ, tăng 24% so với quý trước) và 85 tỷ đồng (tăng 81% so với cùng kỳ, tăng 47% so với quý trước). Lũy kế, doanh thu thuần và LNST trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 21,7 nghìn tỷ đồng (tăng 55% so với cùng kỳ) và 301 tỷ đồng (tăng 178% so với cùng kỳ), hoàn thành 80% và 51% kế hoạch năm.

Chuỗi cửa hàng FPT Shop (chiếm 67% tổng doanh thu)

- Doanh thu tăng lên 5.185 nghìn tỷ đồng (tăng 36% so với cùng kỳ) trong quý 3/2022 nhờ doanh thu điện thoại di động tăng mạnh, trong khi doanh thu máy tính xách tay giảm 35% so với cùng kỳ.

- Tính đến quý 3/2022, công ty có 745 cửa hàng FPT Shop (tăng 98 cửa hàng so với đầu năm). Công ty đã giảm tốc độ mở mới trong quý 3 năm 2022 (cụ thể, công ty đã mở mới 17 cửa hàng trong quý 3 năm 2022 so với việc mở mới 52 cửa hàng trong quý 2 năm 2022), nhu cầu điện thoại di động được dự đoán sẽ tăng chậm lại trong thời gian tới.

Chuỗi nhà thuốc Long Châu (chiếm 33% tổng doanh thu)

- Doanh thu tăng lên 2.554 nghìn tỷ đồng (tăng 114% so với cùng kỳ) trong quý 3/2022, chủ yếu nhờ đóng góp từ các cửa hàng thuốc mở mới. Chúng tôi ước tính doanh thu trung bình hàng tháng trên mỗi cửa hàng trong quý 3 năm 2022 tăng khoảng 10~15% so với quý 2 năm 2022, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với 6 tháng cuối năm 2021 và quý 1 năm 2022, khi người tiêu dùng dự trữ thuốc và các sản phẩm liên quan đến sức khỏe để điều trị các triệu chứng nhẹ của COVID- 19.

- Đến quý 3/2022, số lượng cửa hàng Long Châu đạt 800 cửa hàng (tăng 400 cửa hàng so với đầu năm). Đáng chú ý, chỉ trong 3 quý đầu năm, công ty đã hoàn thành kế hoạch mở mới cả năm 2022

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện từ 13,9% trong quý 3 năm 2021 lên 15,5% trong quý 3 năm 2022. Tỷ suất lợi nhuận gộp của chuỗi cửa hàng FPT Shop giảm (giảm từ 12,8% trong quý 3/2021 xuống 12,1% trong quý 3/2022) do doanh thu máy tính xách tay, vốn có tỷ suất lợi nhuận cao, giảm đi. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của chuỗi nhà thuốc Long Châu đã quay trở lại mức bình thường từ mức thấp của năm ngoái, khi doanh thu bán thuốc (có tỷ suất lợi nhuận gộp chỉ ở mức 10%) cao bất thường.

Biên lợi nhuận gộp

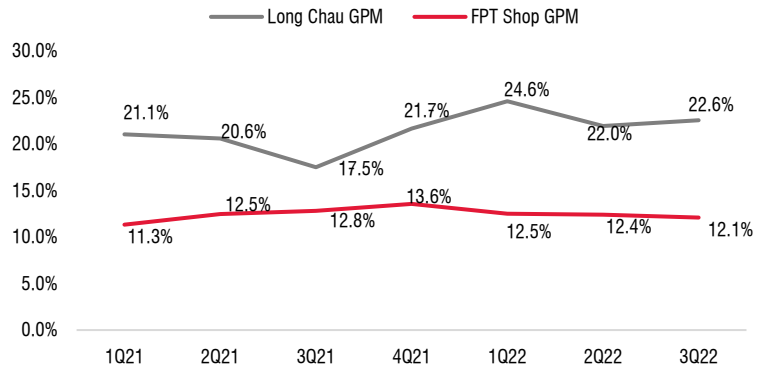

Nguồn: SSI Research

Thu nhập lãi thuần chuyển từ 14,6 tỷ đồng trong quý 3 năm 2021 thành khoản lỗ 18,3 tỷ đồng trong quý 3 năm 2022 do chi phí lãi vay cao hơn khi công ty mở thêm nhiều cửa hàng mới và lãi suất vay tăng lên. Trung bình, lãi suất cho vay năm 2022 ở mức 3,4~4,8% (so với 1,9~4,5% trong năm 2021).

Triển vọng

FPT Shop: Trong bối cảnh các điều kiện kinh tế vĩ mô đồng loạt suy yếu (thất nghiệp, lạm phát và lãi suất gia tăng), chi tiêu cho các mặt hàng không thiết yếu sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực, do đó ảnh hưởng đến KQKD của FPT Shop. Trong trường hợp như vậy, chúng tôi cho rằng FRT sẽ giảm tốc độ mở mới chuỗi cửa hàng này trong thời gian tới. Trong năm 2022 và 2023, chúng tôi dự báo FRT sẽ lần lượt mở 113 và 50 cửa hàng FPT Shop. Như vậy, tăng trưởng doanh thu của phân khúc này trong giai đoạn 2022~2023 sẽ giảm tốc đáng kể sau khi doanh thu máy tính xách tay cao đột biến vào năm 2021.

Nhà thuốc Long Châu: FRT sẽ tiếp tục mở mạnh chuỗi nhà thuốc Long Châu do tỷ lệ kênh nhà thuốc thương mại hiện đại trong bán lẻ dược phẩm hiện vẫn còn rất nhỏ (chỉ khoảng 5%) và chuỗi nhà thuốc Long Châu hiện đã ghi nhận lãi ròng. Trong khi đó, đối thủ là nhà thuốc An Khang sẽ không mở mới trong thời gian tới do chuỗi nhà thuốc này vẫn đang lỗ, và ban lãnh đạo vẫn đang điều chỉnh danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng. Trong năm 2022-2023, chúng tôi dự báo FRT sẽ mở lần lượt 500 và 400 nhà thuốc Long Châu. Doanh thu hàng tháng trên mỗi nhà thuốc ước tính ổn định ở mức 1,1 tỷ đồng (so với mức cao nhất 1,4-1,5 tỷ đồng trong quý 1 năm 2022).

Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh

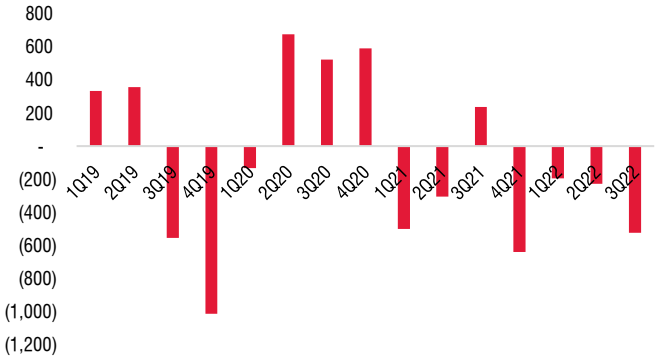

Tỷ lệ nợ/VCSH

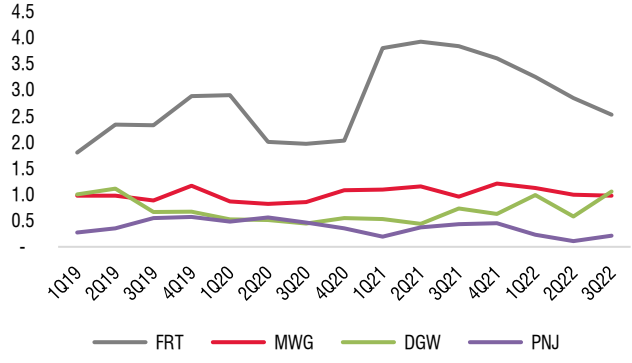

Nguồn: Công ty, SSI Research

Thu nhập tài chính: Vị thế đòn bẩy cao của FRT vẫn là mối quan ngại hàng đầu trong bối cảnh lãi suất tăng cao. Tính đến quý 3/2022, tỷ lệ D/E của FRT là 2,5 lần, cao nhất trong số các nhà bán lẻ và nhà phân phối. Tỷ lệ D/E cao, dòng tiền âm liên tục từ hoạt động kinh doanh và kế hoạch mở mới ồ ạt khiến FRT dễ bị ảnh hưởng bởi các đợt tăng lãi suất. Chúng tôi dự báo lãi suất sẽ tăng 300-400 điểm cơ bản vào năm 2022 và 100-150 điểm cơ bản vào năm 2023, trong khi tổng dư nợ vẫn có thể duy trì ở mức hiện tại. Về dư nợ ngoại tệ, dư nợ USD chiếm khoảng 6% tổng dư nợ, giảm so với mức 12% tính đến đầu năm 2022. Như vậy, doanh thu hoạt động tài chính của FRT sẽ bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đợt tăng lãi suất. Chúng tôi ước tính thu nhập tài chính thuần sẽ chuyển từ mức lãi 51 tỷ đồng năm 2021 thành khoản lỗ 83 tỷ đồng năm 2022 và lỗ 100 tỷ đồng năm 2023.

Dự báo 2022-2023 của chúng tôi như sau:

	2021	2022	2023
FPT Shop			
Doanh thu (tỷ đồng)	18.558	19.727	19.672
So với cùng kỳ (%)	38%	6%	0%
Số lượng cửa hàng mở mới	52	113	50
Nhà thuốc Long Châu			
Doanh thu (tỷ đồng)	3.937	8.637	13.317
So với cùng kỳ (%)	231%	119%	54%
Số lượng cửa hàng mở mới	200	500	400
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	**22.495**	**28.364**	**32.990**
So với cùng kỳ (%)	53%	26%	16%
Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)	**444**	**396**	**429**
So với cùng kỳ (%)	4245%	-11%	8%

Nguồn: SSI Research

Lịch sử khuyến nghị

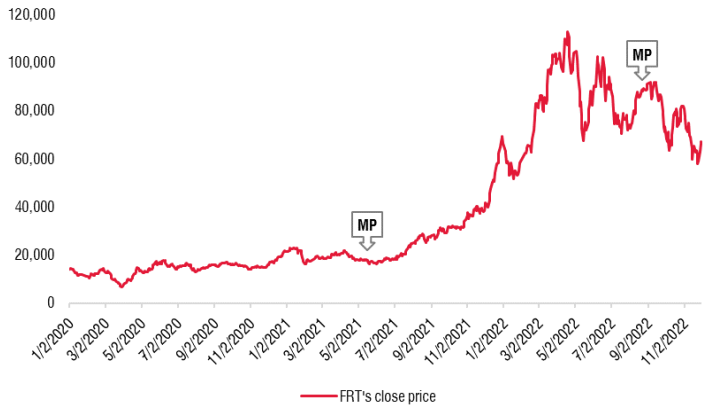

Nguồn: Bloomberg, SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	702	1.105	478	182
+ Đầu tư ngắn hạn	788	1821	1.821	1.821
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.498	1.985	2.851	3.381
+ Hàng tồn kho	1.827	4.928	7.164	7.822
+ Tài sản ngắn hạn khác	145	339	523	605
Tổng tài sản ngắn hạn	**4.960**	**10.177**	**12.836**	**13.811**
+ Các khoản phải thu dài hạn	116	137	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	51	172	446	641
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	0	0	0	0
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	261	255	479	551
Tổng tài sản dài hạn	**428**	**564**	**925**	**1.192**
Tổng tài sản	**5.388**	**10.741**	**13.761**	**15.003**
+ Nợ ngắn hạn	4.162	9.061	11.812	12.751
Trong đó: vay ngắn hạn	*2.486*	*6.047*	*6.229*	*6.334*
+ Nợ dài hạn	0	0	0	0
Trong đó: vay dài hạn	*0*	*0*	*0*	*0*
Tổng nợ phải trả	**4.162**	**9.062**	**11.812**	**12.751**
+ Vốn góp	790	790	1.185	1.185
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	424	872	747	1.049
+ Quỹ khác	11	17	17	17
Vốn chủ sở hữu	**1.225**	**1.679**	**1.949**	**2.251**
Tổng nợ phải trả và vốnchủ sở hữu	**5.388**	**10.741**	**13.761**	**15.003**
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	1.518	-1212	-391	-43
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-396	-1963	-300	-240
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-1.273	3.578	63	-13
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**-151**	**404**	**-627**	**-296**
Tiền đầu kỳ	852	702	1.105	478
Tiền cuối kỳ	**702**	**1.105**	**478**	**182**
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,19	1,12	1,09	1,08
Hệ số thanh toán nhanh	0,72	0,54	0,44	0,42
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,36	0,32	0,19	0,16
Nợ ròng / EBITDA	16,07	4,87	7,06	7,15
Khả năng thanh toán lãi vay	1,25	5,19	3,09	3,11
Ngày phải thu	5,8	2	1,6	2,4
Ngày phải trả	36,2	33,5	50,6	61,4
Ngày tồn kho	75,3	63,7	92,1	99,3
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,23	0,16	0,14	0,15
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,77	0,84	0,86	0,85
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	3,4	5,4	6,06	5,66
Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,03	3,6	3,2	2,81
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	2,03	3,6	3,2	2,81

Tỷ đồng	2020	2021	2022F	2023F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	**14.661**	**22.495**	**28.364**	**32.990**
Giá vốn hàng bán	-12.620	-19.343	-23.959	-27.541
Lợi nhuận gộp	**2.041**	**3.152**	**4.406**	**5.449**
Doanh thu hoạt động tài chính	71	198	177	153
Chi phí tài chính	-134	-146	-261	-253
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-1566	-2059	-2998	-3.785
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-398	-598	-835	-1035
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	**14**	**546**	**488**	**528**
Thu nhập khác	14	8	6	7
Lợi nhuận trước thuế	28	554	494	535
Lợi nhuận ròng	**10**	**444**	**396**	**429**
Lợi nhuận chia cho cổ đông	**25**	**444**	**396**	**429**
Lợi ích của cổ đông thiểu số	-15	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	177	3745	3.277	3.551
Giá trị sổ sách (VND)	15.367	21.045	16.307	18.859
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	500	1000	1000
EBIT	142	686	731	788
EBITDA	143	690	757	833
Tăng trưởng				
Doanh thu	-11,9%	53,4%	26,1%	16,3%
EBITDA	-65,3%	381,0%	9,7%	10,0%
EBIT	-65,6%	383,0%	6,5%	7,9%
Lợi nhuận ròng	-95,0%	4244,8%	-10,7%	8,3%
Vốn chủ sở hữu	-4,2%	37,1%	16,1%	15,5%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	50,0%	0,0%
Tổng tài sản	-18,3%	99,4%	28,1%	9,0%
Định giá				
PE	387,9	17,8	20,3	18,7
PB	2,1	4,8	4,1	3,5
Giá/Doanh thu	0,2	0,4	0,3	0,2
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,5%	1,6%	1,6%
EV/EBITDA	24,6	16,00	9,9	9
EV/Doanh thu	0,2	0,5	0,3	0,2
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	13,9%	14,0%	15,5%	16,5%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,5%	2,3%	1,9%	1,9%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	0,1%	2,0%	1,4%	1,3%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	10,7%	9,2%	10,6%	11,5%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,7%	2,7%	2,9%	3,1%
ROE	0,8%	30,6%	21,8%	20,4%
ROA	0,2%	5,5%	3,2%	3,0%
ROIC	1,2%	9,6%	7,4%	7,5%

Nguồn: Công ty, SSI ước tính

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kì lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lôi kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Hoàng Việt Phương
Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư
phuonghv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

Vĩ mô

Phạm Lưu Hưng
Kinh tế trưởng
hungpl@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Thái Thị Việt Trinh
Chuyên viên phân tích Vĩ mô
trinhttv@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

Phân tích Định lượng

Đỗ Nam Tùng
Chuyên viên cao cấp Phân tích Định lượng
tungdn@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8709

Phân tích cổ phiếu KHCN

Ngô Thị Kim Thanh
Chuyên viên phân tích cao cấp
thanhntk@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3053

Lê Huyền Trang
Chuyên viên phân tích cao cấp
tranglh@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8717

Phân tích Ngành Bán lẻ

Nguyễn Trần Phương Nga
Chuyên viên Phân tích cao cấp
ngantp@ssi.com.vn
SĐT: +84 – 28 3636 3688 ext. 3050

Chiến lược thị trường

Nguyễn Trọng Đình Tâm
Phó Giám đốc Chiến lược Đầu tư
tamntd@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8713

Nguyễn Lý Thu Ngà
Chuyên viên phân tích cao cấp
nganlt@ssi.com.vn
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

Dữ liệu

Nguyễn Thị Kim Tân
Chuyên viên hỗ trợ
tanntk@ssi.com.vn
Tel: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715